

PHỤ LỤC 2 - THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 10 NĂM 2021
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

(Kèm theo Công văn số /SXD-KTVLXD, ngày /10/2021 của Sở Xây dựng Đắk Lắk)

1. THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn thành phố	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc		(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Minh Sáng, mỏ đá Thạch Anh, mỏ đá Hòa Phú và mỏ đá Nam Hải, mỏ đá Thiên An, Hoàng Nam)	174.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		201.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		212.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		226.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		167.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		192.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		182.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	Gạch Tuynel					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	Gạch không nung XMCL					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Đại Tín/KCN Hòa Phú	950		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		1.000		
	Gạch ống (80x120x180)mm	viên		1.500		
	Gạch không nung XMCL					
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Gạch không nung Việt Tân/KCN Hòa Phú	1.100		
	Gạch không nung XMCL					
	Gạch thẻ đặc (50x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Vũ/KCN Hòa Phú	900		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		1.000		
	Gạch block bê tông rỗng					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Đại Tín/KCN Hòa Phú	4.000		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		7.000		
	Gạch bê tông rỗng (14x19x39)cm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Vũ/KCN Hòa Phú	5.455		
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		3.636		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		6.364		
	Gạch bê tông ly tâm					
	Kiểu Tây Ban Nha: KT 25x25x5cm(16viên/m ²)					
	- Màu đỏ	m ²		155.000		
	- Màu vàng	m ²		161.000		
	Hoa văn Hướng Dương: KT 25x25x5cm(16viên/m ²)					
	- Màu đỏ	m ²		155.000		
	- Màu vàng	m ²		161.000		
	Hoa văn Đồng Tiền: KT 30x30x5cm(11viên/m ²)					
	- Màu đỏ	m ²	Cty Phát Thịnh	140.000		

	- Màu vàng	m ²		150.000		
	<i>Gạch bê tông tự chèn hoa văn lục giác: KT 21x21x5cm (26viên/m²)</i>					
	- Màu đỏ	m ²		140.000		
	- Màu vàng	m ²		150.000		
	Gạch Terrazzo					
	Gạch Terazzo 400x400x30mm màu đỏ	m ²	Sản phẩm của Công ty TNHH MTV Đình Trung	125.000		
	Gạch Terazzo 400x400x30mm màu vàng	m ²		135.000		
	Gạch Terazzo 400x400x30mm màu xám	m ²		125.000		
	Gạch Terazzo 400x400x30mm hai màu đỏ, vàng	m ²		145.000		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	Thép hình				24.186	
+	Thép cuộn					
	Ø6 CB240-T	kg			17.150	
	Ø8 CB240-T	kg			17.150	
+	Thép thanh vằn					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.150	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ	17.150		
	Ø10 CB400-V	kg		17.550		
	Ø12 - 32 CB400-V	kg		17.350		
	Ø10 CB500-V	kg		17.650		
	Ø12 - 32 CB500-V	kg		17.450		
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn kẽm mạ màu cán sóng vuông					
	Tôn lạnh AZ70 phủ AF - dày 0,30mm	m ²			92.727	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,35mm	m ²			105.455	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,40mm	m ²	Cty CP tập đoàn Hoa Sen Chi nhánh Đắk Lắk		119.091	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,45mm	m ²			132.727	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,50mm	m ²			146.364	
+	Tôn kẽm mạ màu cán sóng giả ngói Hoa Sen					
	Tôn sóng ngói AZ050-17/05 - dày 0,40mm	m ²			130.909	
	Tôn sóng ngói AZ050-17/05 - dày 0,45mm	m ²	Cty CP tập đoàn Hoa Sen Chi nhánh Đắk Lắk		145.455	
	Tôn sóng ngói AZ050-17/05 - dày 0,50mm	m ²			160.909	
	Tôn lạnh la phông					
	Tôn lạnh Kích thước khổ 1,1 - dày 0,20mm (Hoa Sen AZ070)	m ²			68.180	
	Tôn lạnh Kích thước khổ 1,1 - dày 0,22mm (Hoa Sen AZ070)	m ²	Cty CP tập đoàn Hoa Sen Chi nhánh Đắk Lắk		72.730	
7	NHÓM VẬT LIỆU NHỰA ĐƯỜNG					
	Nhựa đường Phuy Shell Singapore 60/70	kg	Cty TNHH TM-SX-DV Tín Thịnh		15.636	
	Nhựa đường 60/70 - Phuy	kg			14.937	
	Nhựa đường đặc nóng 60/70 - Xá	kg	TCT hóa dầu Petrolimex		13.737	
	Nhựa đường nhũ tương gốc Axit 60% (TCVN 8817:2011)	kg			13.537	

2. THỊ XÃ BUÔN HỒ

Căn cứ Báo cáo số 131/BC-QLĐT ngày 14/10/2021 của Phòng Quản lý đô thị thị xã Buôn Hồ

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn thị xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn			1.860.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			330.000	
	Cát tô	m ³			360.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			204.000	280.000	VLXD Thành Long, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Phục Hưng, mỏ đá Công ty TNHH Thạch Nguyên An)	224.000	280.000	
	Đá dăm 2x4	m ³		225.000	330.000	
	Đá dăm 1x2	m ³		257.000	330.000	
	Đá 0,5 x 1	m ³		208.000	330.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		229.000	320.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		216.000	320.000	
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			850	VLXD Thành Long, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên			770	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên			1.200	
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên			1.200	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên			1.500	
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		18.200	
	Ø8 CB240-T	kg			18.200	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.150	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.150	
	Ø10 CB400-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.350	
	Ø10 CB500-V	kg			17.650	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.450	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỘP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m	Cửa hàng Hoa Sen Buôn Hồ		128.000	
	Tôn lạnh 0,3mm	m			99.000	

3. HUYỆN CƯ M'GAR

Căn cứ Công văn số 3214/UBND-KTHT ngày 07/10/2021 của UBND huyện Cư M'gar

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Đại lý trung tâm thị trấn		1.900.000	
	Ximăng PCB30	tấn			1.800.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Đại lý trung tâm thị trấn		310.000	
	Cát tô	m ³			320.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc		(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Thanh Tuấn, mỏ đá EA M'roh, mỏ đá Tài Phát)	164.000	270.000	Trung tâm thị trấn Quảng phú
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		186.000	280.000	
	Đá dăm 2x4	m ³		200.000	300.000	
	Đá dăm 1x2	m ³		202.000	330.000	
	Đá 0,5 x 1	m ³		174.000	350.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		204.000	250.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		193.000	260.000	
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	Đại lý trung tâm thị trấn		650	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên			610	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên			910	
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên			1.600	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên			1.400	
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên			8.500	
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên			5.100	
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>		Đại lý trung tâm thị trấn		22.500	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6	kg			20.000	
	Ø8	kg			20.000	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10	kg			20.000	
	Ø12 - Ø32	kg			20.000	
6	TÀM TRẦN, TÀM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m	Đại lý trung tâm thị trấn		100.000	
	Tôn lạnh	m			72.000	

4. HUYỆN KRÔNG BÚK

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận thông tin được báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			289.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		323.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		314.500		
	Đá dăm 1x2	m ³	Mỏ đá Phục Hưng	365.500		
	Đá 0,5 x 1	m ³		297.500		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		323.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		306.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg			17.150	
	Ø8 CB240-T	kg			17.150	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.150	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.150	
	Ø10 CB400-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.350	
	Ø10 CB500-V	kg			17.650	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.450	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận thông tin được báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

5. HUYỆN KRÔNG BÔNG

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			218.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Hùng Anh và mỏ đá Cty Bình Hòa và mỏ đá 39)	240.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		254.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		283.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		217.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		231.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		216.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.150	
	Ø8 CB240-T	kg			17.150	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.150	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.150	
	Ø10 CB400-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.350	
	Ø10 CB500-V	kg			17.650	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.450	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

6. HUYỆN LẮK

Căn cứ Thông báo số 70/TB-KTHT ngày 11/10/2021 của Phòng KTHT huyện Lắk

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Mỏ cát Buôn	220.000		
	Cát tô	m ³	Mliêng	260.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			163.600		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		245.400		
	Đá dăm 2x4	m ³		263.600		
	Đá dăm 1x2	m ³		277.273		
	Đá 0,5 x 1	m ³		168.182		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		236.364		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		218.182		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tunnel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>					
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg			17.150	
	Ø8 CB240-T	kg			17.150	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.150	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.150	
	Ø10 CB400-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.350	
	Ø10 CB500-V	kg			17.650	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.450	
6	TÂM TRẦN, TÂM LỘP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m				
	Tôn lạnh	m				

7. HUYỆN BUỒN ĐƠN

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận thông tin được báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			164.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Thanh Tuấn, mỏ đá EA M'roh, mỏ đá Tài Phát)	186.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		200.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		202.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		174.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		204.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		193.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>				Không nhận thông tin được báo cáo	
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.150	
	Ø8 CB240-T	kg			17.150	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.150	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.150	
	Ø10 CB400-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.350	
	Ø10 CB500-V	kg			17.650	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.450	
6	TÀM TRẦN, TÀM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

8. HUYỆN KRÔNG PẮC

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			218.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Hùng Anh, mỏ đá Cty Bình Hoà, mỏ đá 39)	240.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		254.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		283.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		217.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		231.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		216.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.150	
	Ø8 CB240-T	kg			17.150	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.150	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.150	
	Ø10 CB400-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.350	
	Ø10 CB500-V	kg			17.650	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.450	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

9. HUYỆN EA H'LEO

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			218.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		240.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		254.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		283.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		217.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		231.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		216.000		
	Đá 0,5 x 1 (qua cối vo)	m ³		336.000		
	Đá dăm 1x2 (qua cối vo)	m ³		364.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Xây dựng TM&DV Tân Thành Đạt/KCN Ea Ral, Ea H'leo	800		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		1.200		
	Gạch ống (80x120x180)mm	viên		1.600		
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên	nt	4.500		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên	nt	7.000		
	<i>Gạch Terrazzo</i>					
	Gạch Terrazzo 300x300x30 màu tím	m ²	Công ty TNHH XD TM&DV Tân Thành Đạt/KCN Ea Ral, Ea H'leo	115.000		
	Gạch Terrazzo 300x300x30 màu đỏ	m ²		125.000		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg			17.350	
	Ø8 CB240-T	kg			17.150	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.150	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.150	
	Ø10 CB400-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.350	
	Ø10 CB500-V	kg			17.650	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.450	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

10. HUYỆN CƯ KUIN

Căn cứ Công văn số 2642/UBND-KTHT ngày 15/10/2021 của UBND huyện Cư Kuin

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Mỏ cát cầu Giang Sơn (Km 24/QL 27)	170.000		
	Cát tô	m ³		180.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			205.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Giá thông báo tại mỏ đá Tuấn Nhân, mỏ đá Công ty Minh Sáng)	240.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		305.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		291.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		247.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		247.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		175.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	Gạch Hiệp Tân, xã Hòa Hiệp	400		
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		450		
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		630		
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				Không có
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên	Cty Trung Tuấn	1.100		
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				Không có
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên	Cty Trung Tuấn	6.500		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>		Trung tâm huyện		20.500	
+	<i>Thép cuộn</i>		Trung tâm huyện			
	Ø6 CB240-T	kg			18.600	
	Ø8 CB240-T	kg			18.600	
+	<i>Thép thanh vằn</i>		Trung tâm huyện			
	Ø10 Gr40-V	kg			18.600	
	Ø16 Gr40-V	kg			18.600	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			18.600	
	Ø10 CB400-V	kg			18.600	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			18.600	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m	Trung tâm huyện		109.000	
	Tôn lạnh	m			70.000	

11. HUYỆN KRÔNG NĂNG

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			204.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Công ty Phục Hưng, mỏ đá Công ty Thạch Nguyên An)	224.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		225.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		257.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		208.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		229.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		216.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg			17.150	
	Ø8 CB240-T	kg			17.150	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.150	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.150	
	Ø10 CB400-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.350	
	Ø10 CB500-V	kg			17.650	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.450	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

12. HUYỆN M'DRẮK

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			194.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá 52, mỏ đá Công ty Đức Anh, mỏ đá Công ty Sanh Chiến)	233.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		252.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		264.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		220.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		235.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		220.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên	Công ty TNHH TM Dịch vụ Nam Điền/Xã Cư M'Ta, huyện M'Drắk	1.000		
	Gạch ống 06 lỗ (180x80x120)mm	viên		1.250		
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		4.500		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.150	
	Ø8 CB240-T	kg			17.150	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.150	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.150	
	Ø10 CB400-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.350	
	Ø10 CB500-V	kg			17.650	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.450	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

13. HUYỆN KRÔNG ANA

Căn cứ Báo cáo số 481/BC-UBND ngày 11/10/2021 của UBND huyện Krông Ana

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Mỏ cát Quỳnh	170.000		
	Cát tô	m ³	Ngọc, xã Ea Na	180.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			174.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		201.000		
	Đá dăm 2x4	m ³	(Giá thông báo tại mỏ đá Công ty Hoàng Nam tại Hoà Phú)	212.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		226.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		167.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		192.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		182.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	Xã Ea Bông, huyện Krông Ana	700		
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		900		
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		1.100		
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.150	
	Ø8 CB240-T	kg			17.150	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.150	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.150	
	Ø10 CB400-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.350	
	Ø10 CB500-V	kg			17.650	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.450	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông	m	Nhà máy cán tôn Long Hà, thị trấn Buôn Tráp		82.500	
	Tôn lạnh	m			72.500	

14. HUYỆN EA SÚP

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng PCB30	tấn	Sông Gianh		1.545.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			161.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Công ty Thuận An, mỏ đá Ea M'roh)	181.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		187.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		193.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		168.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		189.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		182.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 47,5mm	m ³				
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.150	
	Ø8 CB240-T	kg			17.150	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.350	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.150	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.150	
	Ø10 CB400-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.350	
	Ø10 CB500-V	kg			17.650	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.450	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

15. HUYỆN EA KAR

Căn cứ Báo cáo số 481/BC-UBND ngày 08/10/2021 của UBND huyện Ea Kar

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn thị xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Cty Đức Tiến	1.650.000	1.700.000	
	Ximăng PCB30	tấn	nt			
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Cty TNHH khai thác cát Đoàn Kết, xã Ea Ô	200.000	300.000	
	Cát tô	m ³		200.000	300.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc		Mỏ đá Hợp Thành	210.000	270.000	
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		240.000	300.000	
	Đá dăm 2x4	m ³		245.000	305.000	
	Đá dăm 1x2	m ³		260.000	320.000	
	Đá 0,5 x 1	m ³		220.000	280.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		190.000	270.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		230.000	290.000	
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tunnel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	Cty Trường Phước	900	1.000	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên	Cty Đức Tân	750	850	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên	Cty Đức Tân	1.200	1.400	
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên		1.100	1.300	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		600	700	
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		4.400	6.000	
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		8.800	11.000	
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình, thép tấm</i>	kg	Cty Ba Màn		28.000	
	Thép V25-V65	kg	Cty Ba Màn		18.700	
	Thép hộp Hoa Sen	kg	Cty Ba Màn		27.500	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6	kg	Cty Ba Màn		19.000	
	Ø8	kg	Cty Ba Màn		19.000	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10	kg	Cty Ba Màn		18.800	
	Ø12 - Ø32	kg	Cty Ba Màn		18.500	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m	Cty Hiệp Hưng		95.000	
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m	Cty Hiệp Hưng		105.000	
	Tôn lạnh 0,3mm	m	nt		78.000	
7	VẬT LIỆU KHÁC	m2				
	Giấy dầu	m2		4.200	5.000	
	Gỗ làm ván khuôn	m3		4.000.000	5.000.000	
	Gỗ chống, đà nẹp	m3				
	Ống nhựa PVC d=42mm	m	Vật liệu Tiền Hương, nhựa Bình Minh		18.700	
	Ống nhựa PVC d=21mm BM	m			6.200	
	Ống nhựa PVC d=27mm BM	m			11.200	
	Ống nhựa PVC d=34mm BM	m			15.000	
	Ống nhựa PVC d=60mm BM	m			26.200	
	Ống nhựa PVC d=90mm BM	m			52.500	
	Ống nhựa PVC d=114mm BM	m			72.500	
8	GẠCH ỐP, LÁT					
	Gạch Granit KT 60x60	m2	Công ty Viglacera		190.000	
	Gạch Ceramic lát KT 30x30	m2	Công ty Viglacera		110.000	
	Gạch Ceramic lát KT 40x40	m2	Công ty Trung		85.000	

	Gạch Ceramic lát KT 50x50	m2	Nguyên		100.000	
	Gạch Ceramic lát KT 60x60	m2	Công ty Nice		120.000	
	Gạch ốp Ceramic KT 30x60	m2	Công ty Nice		140.000	
	Gạch ốp Ceramic KT 30x45	m2	Công ty Nice		90.000	
9	SON, BỘT BẮ					
	Sơn nước trong Infor	lít	Công ty Infor		55.000	
	Sơn nước trong Dulux	lít	Công ty Dulux		85.000	
	Sơn nước ngoài Infor	lít	Công ty Infor		85.000	
	Sơn nước trong Dulux	lít	Công ty Dulux		110.000	
	Bột trét trong Infor	kg	Công ty Infor		5.000	
	Bột trét trong Dulux	kg	Công ty Dulux		9.000	
	Bộ trét ngoài Infor	kg	Công ty Infor		7.000	
	Bột trét ngoài Dulux	kg	Công ty Dulux		11.000	
	Sơn lót nội thất Infor	lít	Công ty Infor		60.000	
	Sơn lót nội thất Dulux	lít	Công ty Dulux		83.000	
	Sơn lót ngoại thất Infor	lít	Công ty Infor		90.000	
	Sơn lót ngoại thất Dulux	lít	Công ty Dulux		135.000	
	Flinkote chống thấm	lít			90.000	
10	GẠCH TERAZZO					
	Gạch terazzo KT 40x40x3	m2	Công ty Hoàng Thụ	90.000	100.000	
11	NGÓI					
	Ngói 22 viên/m2	viên	Công ty Hoàng Thụ	6.000	6.500	
	Ngói 10 viên/m2	viên	Công ty Hoàng Thụ	12.000	13.000	
12	THIẾT BỊ VỆ SINH					
	Vòi rửa	Bộ	Forrie		150.000	
	Sen tắm lạnh	Bộ	Rossi		450.000	
	Sen tắm nóng lạnh	Bộ	Rossi		1.200.000	
	Chậu Lavabo	Bộ	Viglacera		320.000	
	Xí bệt rời (2 khối)	Bộ	Viglacera		1.300.000	
	Xí bệt liền khối	Bộ	Viglacera		2.100.000	
	Xí xôm	Cái	Viglacera		200.000	
	Tiểu nam	Cái	Viglacera		450.000	
	Tiểu nữ	Cái	Viglacera		450.000	
	Vòi xịt	Cái	American		150.000	
	Gương soi	Cái	Ceasar		100.000	
	Lọc rác inox 2020	Cái	Ceasar		100.000	
	Cầu chắn rác trên Sê nô	Cái	Ceasar		120.000	
13	NHÓM VẬT LIỆU ĐIỆN					
	Các loại dây điện					
	Dây điện bọc nhựa PVC (VCm-300/500V) - TCVN 6610:3 (ruột đồng)					
	+ Quy cách VCM-0,5	m			2.350	
	+ Quy cách VCM-0,75	m			3.260	
	+ Quy cách VCM-1,0	m			4.190	
	Dây 2x1,5 Cadisun	m			4.700	
	Dây điện 2x2,5 Cadisun	m			7.700	
	Dây điện 1x4	m			11.000	
	Dây điện lõi đồng 1x10	m			30.000	
	Bóng tuyp 1,2m+ máng	Bộ			120.000	
	Bóng lớp trang trí	Cái			180.000	
	Quạt trần	Cái			480.000	
	Quạt treo tường	Cái			350.000	
14	BỒN NƯỚC INOX					
	Bồn 1 m3 (Năm)	Cái	Tân Á Đại Thành		3.100.000	
	Bồn 2 m3 (Năm)	Cái	Tân Á Đại Thành		6.000.000	
	Bồn 1,5 m3 (Năm)	Cái	Tân Á Đại Thành		4.500.000	